



QUYỀN

**CỦA PHỤ NỮ
VÀ TRẺ EM GÁI
KHUYẾT TẬT**

**TRONG PHÒNG VÀ CHỐNG
BẠO LỰC TÌNH DỤC**

*(Tài liệu nằm trong khuôn khổ dự án Tăng cường
năng lực cho phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật)*

QUYỀN CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT

**TRONG PHÒNG VÀ CHỐNG
BẠO LỰC TÌNH DỤC**

*(Tài liệu nằm trong khuôn khổ dự án
Tăng cường năng lực cho phụ nữ và
trẻ em gái khuyết tật)*

BAN BIÊN TẬP:

Lê Thị Hải Yến
Nguyễn Tiến Đạt
Phạm Hương Thảo



Mục lục

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN	5
1.1. Bạo lực; bạo lực trên cơ sở giới	5
1.2. Bạo lực tình dục	7
1.3. Định nghĩa phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật	10
II. QUYỀN CƠ BẢN CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI NÓI CHUNG; PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT NÓI RIÊNG TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC TÌNH DỤC	11
2.1. Nhóm quyền bình đẳng	12
2.2. Nhóm quyền được bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm	15
III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỤ THỂ CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC TÌNH DỤC THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	19
3.1. Quyền cụ thể của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong phòng, chống bạo lực tình dục	20
3.1.1. Một số quyền được bảo vệ	20
3.1.2. Một số quyền được hỗ trợ	31
3.1.3. Quy trình thực hiện quyền của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật.	37
3.2. Quy định của pháp luật về nghĩa vụ cụ thể của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong phòng, chống bạo lực tình dục	45
IV. CHẾ TÀI DÀNH CHO NGƯỜI CÓ HÀNH VI BẠO LỰC TÌNH DỤC	46
4.1. Các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính	46
4.2. Các chế tài hình sự	49
V. MỘT SỐ MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT LÀ NẠN NHÂN CỦA BẠO LỰC TÌNH DỤC	62
5.1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập	63
5.2. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em	65
5.3. Chăm sóc thay thế	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.	69
DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN	70

GIỚI THIỆU TÀI LIỆU

Bạo lực tình dục đang là vấn đề nóng trên toàn cầu. Quỹ Dân số của Liên hợp quốc (UNFPA) ước tính rằng: “*người khuyết tật có nguy cơ cao gấp 3 lần so với những người không khuyết tật trong việc trở thành nạn nhân của bạo lực và bạo lực tình dục*”¹, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật. Đây là những đối tượng phải chịu sự phân biệt đối xử “kép”, vì lý do khuyết tật và lý do về giới. Do đó, họ cần được bảo vệ và hỗ trợ kịp thời nhằm đảm bảo các quyền con người cơ bản.

Để thực hiện mục tiêu nói trên cần sự phối hợp giữa nhiều cơ quan, tổ chức, giữa các nhóm chủ thể khác nhau. Và, một trong những phương tiện quan trọng hàng đầu để bảo vệ phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trước hành vi bạo lực tình dục chính là luật pháp.

Đối tượng chủ yếu mà tài liệu này tập trung hướng tới là phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật, mục đích nhằm giúp người đọc nhận diện các khái niệm; cung cấp thông tin cơ bản về những quy định của pháp luật quốc tế và Việt Nam trong phòng, chống bạo lực tình dục. Dựa trên hệ thống quy định đó, tài liệu đưa ra một số phương án can thiệp nhằm giúp người đọc có hướng xử lý khi hành vi bạo lực tình dục xảy ra; nhằm hạn chế tối đa hậu quả do nó mang lại; góp phần giảm thiểu tình trạng bạo lực tình dục, đặc biệt là bạo lực tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật.

1. Thoraya A.Obaid, *Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của người khuyết tật*, Bài đăng trên website của Tổng cục dân số - kế hoạch hóa gia đình.

<https://bit.ly/2N3TD6S>.

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

WHO	Tổ chức Y tế thế giới
UNHCR	Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn
CEDAW	Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chống lại phụ nữ
CRPD	Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật
DEVAW	Tuyên bố Đại hội đồng Liên hợp quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ
UDHR	Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền
UNFPA	Quỹ dân số của Liên hợp quốc
BLLĐ	Bộ luật lao động
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
BLTD	Bạo lực tình dục
PNTEGKT	Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật
PNKT	Phụ nữ khuyết tật
UBND	Ủy ban nhân dân
LĐTBXH	Lao động - Thương binh và Xã hội

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM LIÊN QUAN

1.1. Bạo lực; bạo lực trên cơ sở giới

Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã đưa ra định nghĩa về “Bạo lực” như sau: *“Bạo lực là việc đe dọa sử dụng hoặc sử dụng sức mạnh thể chất hay quyền lực có chủ đích đối với bản thân, người khác hoặc đối với một nhóm người hay một cộng đồng người mà gây ra hay làm gia tăng khả năng gây ra tổn thương, tử vong, tổn hại về tâm lý, phát triển bất thường hoặc bị tước đi những lợi ích vật chất cơ bản”*

Như vậy, bạo lực không chỉ giới hạn ở những hành vi gây tổn hại nghiêm trọng đến thể chất, sức khỏe mà còn có thể gây ra những ảnh hưởng rất nặng nề về tâm lý, tinh thần của một con người.

VD: Một đứa trẻ từ nhỏ đã phải hứng chịu đòn roi từ cha mẹ ngoài những tổn thương về thân thể còn phải sống trong cảm giác sợ hãi, đồng thời có nguy cơ bắt chước hành vi của cha mẹ và sử dụng bạo lực trong các mối quan hệ sau này.

Bên cạnh định nghĩa chung nhất về bạo lực, còn có định nghĩa về “bạo lực trên cơ sở giới”. Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR, 2003) sử dụng thuật ngữ bạo lực trên cơ sở giới dựa trên Điều 1 và Điều 2 của Tuyên bố Đại hội đồng Liên hợp quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ (DEVAW) năm 1993 và Khuyến nghị chung thứ 19 của Ủy ban CEDAW. Theo đó, *“Bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực nhằm vào một người trên cơ sở đối xử phân biệt về giới hoặc giới tính của người đó. Nó bao gồm việc đe dọa thực hiện hoặc thực hiện các hành vi gây tổn hại hoặc gây đau đớn về mặt thể chất, tinh thần hay tình dục; sự cưỡng ép và những hình thức khác nhằm tước bỏ sự tự do của người đó”*

2. World Health Organization, *World report on violence and health*, 2002, p.5

3. UNHCR, *Sexual and Gender-Based Violence against Refugees, Returnees and Internally Displaced Persons*, May 2003, p.11.

Như đã đề cập, bạo lực trên cơ sở giới là bạo lực nhằm tới một đối tượng cụ thể trên cơ sở đối xử phân biệt vì lý do về “Giới” hoặc “Giới tính”.

*Mặc dù phụ nữ, nam giới, trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể trở thành nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, nhưng phụ nữ và trẻ em gái thường là nạn nhân chủ yếu*⁴. Có 4 yếu tố dẫn đến khả năng xuất hiện bạo lực trên cơ sở giới, đó là: (1) Bất bình đẳng kinh tế; (2) Tồn tại hình thức sử dụng bạo lực thể chất để giải quyết xung đột; (3) Sự thống trị và kiểm soát của nam giới trong quá trình ra quyết định; (4) Hạn chế khả năng tham gia công việc ngoài xã hội của phụ nữ⁵.

Căn cứ vào định nghĩa nêu trên, bạo lực trên cơ sở giới được biểu hiện dưới 4 hình thức: (i) Bạo lực về thể chất; (ii) Bạo lực tinh thần; **(iii) Bạo lực tình dục** và (iv) Bạo lực kinh tế.

4. UNHCR, *Sexual and Gender-Based Violence against Refugees, Returnees and Internally Displaced Persons*, May 2003, p.11.

5. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng, Trần Thị Cẩm Nhung, *Bạo lực trên cơ sở giới: Một số khía cạnh về luật pháp và chính sách ở Việt Nam*, Bài đăng trên website của Trung tâm thông tin nguồn về giới, <https://bit.ly/2LieRqf>

1.2. Bạo lực tình dục

Như đã đề cập ở Mục 1.1, “Bạo lực tình dục” là một hình thức biểu hiện của bạo lực trên cơ sở giới. Theo định nghĩa của WHO thì “*Bạo lực tình dục được xác định là bất cứ hành vi tình dục hoặc cố gắng thực hiện hành vi tình dục nào, bất cứ bình luận hoặc thúc đẩy về tình dục trái ý muốn của một người; hoặc bất cứ hành động buôn bán, chuyên chở một người nhằm cưỡng ép người đó quan hệ tình dục* được gây ra bởi bất cứ ai có hay không có mối quan hệ thân thiết với nạn nhân trong bất kỳ bối cảnh nào bao gồm cả gia đình và nơi làm việc⁶”

Từ các định nghĩa nói trên có thể diễn giải **một số đặc điểm** của bạo lực tình dục như sau:

a) Về mặt hình thức, bạo lực tình dục có thể biểu hiện thông qua những yếu tố sau đây:

- *Hành vi tình dục* được hiểu là sự đụng chạm giữa các cơ quan sinh dục với nhau và một số bộ phận khác trên thân thể. Hành vi này bao gồm cả việc *cố gắng thực hiện hành vi tình dục*: được hiểu là các hành động nhằm cố gắng đạt được sự đụng chạm như trên, bất kể hành động đó có thành công hay không.

Ví dụ: Dùng bạo lực bắt một người quan hệ tình dục khi người đó không muốn; tự tiện động chạm vào bộ phận sinh dục, **các bộ phận nhạy cảm khác trên cơ thể của một người khi không được sự cho phép.**

- *Ngoài ra còn một số hành vi khác như:* Sử dụng lời lẽ hoặc các hành động khác để tác động tới tinh thần, tư tưởng của một người nhằm buộc người này phải đáp ứng các nhu cầu về tình dục cho người khác.

Ví dụ: Đánh giá, bình phẩm về một bộ phận nhạy cảm trên cơ thể của người khác mà người đó không muốn nghe; gạ gẫm người khác quan hệ tình dục để đổi lấy quyền lợi;...

6. World Health Organization, *World report on violence and health*, 2002, p.149

Các hành vi nói trên được coi là bạo lực tình dục nếu xảy ra với một người mà trái với ý muốn của người đó.

- *Bất cứ hoạt động tổ chức buôn bán, chuyên chở một người nhằm cưỡng bức một người nào đó quan hệ tình dục.*

Ví dụ: Cưỡng ép phụ nữ, trẻ em gái thực hiện hoạt động bán dâm; vận chuyển người qua biên giới để bán dâm.

- **Một số khái niệm liên quan theo pháp luật Việt Nam.**

Hiện nay, chưa có bất kỳ Điều ước quốc tế hay văn bản pháp luật nào của Việt Nam ghi nhận một cách chính thức định nghĩa về “Bạo lực tình dục” nói chung. Tuy nhiên, liên quan mật thiết đến “Bạo lực tình dục”, Pháp luật Việt Nam đưa ra một số khái niệm sau:

Luật Trẻ em năm 2016 của Việt Nam được xem là văn bản pháp lý duy nhất đưa ra được định nghĩa về “**xâm hại tình dục trẻ em**” (vẫn là hành vi bạo lực tình dục, nhưng nhắm tới đối tượng cụ thể là trẻ em): “*Xâm hại tình dục trẻ em là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, ép buộc, lôi kéo, dụ dỗ trẻ em tham gia vào các hành vi liên quan đến tình dục, bao gồm hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu, dâm ô với trẻ em và sử dụng trẻ em vào mục đích mại dâm, khiêu dâm dưới mọi hình thức*” (Khoản 8 Điều 4).

Ngoài ra, trong các văn bản quy phạm liên quan đến bạo lực tình dục, pháp luật Việt Nam còn sử dụng một số thuật ngữ khác như: Cấm các hành vi “**quấy rối tình dục**” (Bộ luật lao động 2012), “**bóc lột tình dục**” (Luật Phòng chống mua bán người 2011) hoặc “**xâm phạm thân thể**” (VD: Cấm xâm phạm thân thể của người lao động - Bộ luật lao động năm 2012 hoặc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi xâm phạm thân thể của người khuyết tật - Nghị định 144/2013/NĐ-CP).

Thêm nữa, tại một số điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cũng sử dụng một số thuật ngữ mô tả rõ tình tiết liên quan đến bạo lực tình dục. Những tình tiết này thường được đặt ở khoản 1 của mỗi Điều, gọi là tình tiết cơ bản để định tội như tội **hiếp dâm, cưỡng dâm,...**

Ví dụ: Khoản 1, Điều 141 của Bộ Luật Hình sự Việt Nam 2015 về **Tội hiếp dâm** quy định: “Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù”

Lưu ý: Ngoài việc chưa có định nghĩa thống nhất về BLTD, một số thuật ngữ được sử dụng trong các văn bản pháp luật của Việt Nam như “quấy rối tình dục”, “kích động tình dục”, “xâm phạm thân thể”,... nhưng hầu hết các thuật ngữ này chưa được giải thích cụ thể (Bộ Luật Lao động; Luật giáo dục; Luật khám chữa bệnh,... và một loạt nghị định xử phạt vi phạm hành chính).

Có thể thấy, bạo lực tình dục được hiểu theo nghĩa rất rộng, các hành vi thể hiện đa dạng, không phải chỉ có các hành vi tình dục xâm phạm trực tiếp đến thân thể mới được coi là bạo lực tình dục.

b) Về phạm vi, bạo lực tình dục có thể được chia làm hai nhóm: Bạo lực tình dục xảy ra trong gia đình và Bạo lực tình dục xảy ra trong cộng đồng.

- **Bạo lực tình dục xảy ra trong gia đình:** Đối tượng thực hiện hành vi này có thể là chồng, anh/chị/em, các thành viên khác trong gia đình (chú, bác,...), người chăm sóc,...

- **Bạo lực tình dục xảy ra trong cộng đồng:** Đối tượng thực hiện hành vi có thể là bất kỳ ai như người quen, hàng xóm, giáo viên, đồng nghiệp/người sử dụng lao động, người lạ,...

1.3. Định nghĩa phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật

Người khuyết tật được định nghĩa như sau dưới góc độ pháp luật quốc tế nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng:

Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (CRPD 2007 tại đoạn 2 Điều 1): “Người khuyết tật bao gồm những người có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan mà khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.”

Luật Người khuyết tật 2010 (Khoản 1 Điều 2): “Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.”

Công ước của Liên Hợp Quốc về quyền trẻ em 1990 và Công ước Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất 1999 (Công ước số 182) đã đưa ra định nghĩa: “Trẻ em là tất cả những người dưới 18 tuổi”. **Luật Trẻ em 2016** của Việt Nam quy định: “Trẻ em là người dưới 16 tuổi”.

Như vậy, trong phạm vi tài liệu này:

Phụ nữ khuyết tật được định nghĩa là người khuyết tật mang giới tính nữ.

Trẻ em gái khuyết tật được định nghĩa là người khuyết tật mang giới tính nữ dưới 16 tuổi.

II. QUYỀN CƠ BẢN CỦA PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI NÓI CHUNG; PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT NÓI RIÊNG TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC TÌNH DỤC

Chưa có một Điều ước quốc tế riêng về vấn đề bạo lực tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật. Tuy nhiên vấn đề này được lồng ghép trong nhiều văn kiện mang tính toàn cầu khác, có thể kể đến như: Tuyên ngôn quốc tế về quyền con người 1948 (UDHR), Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị 1966 (ICCPR), Công ước quốc tế các quyền kinh tế xã hội và văn hoá 1966 (ICESCR), Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ 1979 (CEDAW), Công ước quốc tế về quyền trẻ em 1989 (CRC), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật 2006 (CRPD) và các công ước quốc tế về nhân quyền và tư pháp hình sự khác.

Các văn kiện quốc tế nói trên ghi nhận một số quyền con người cơ bản, trong đó có một số nhóm quyền cơ bản được xem là những nhóm quyền trực tiếp liên quan đến vấn đề bảo vệ con người chống lại bạo lực tình dục:

- Thứ nhất, quyền bình đẳng.

- Thứ hai, nhóm quyền được bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm.

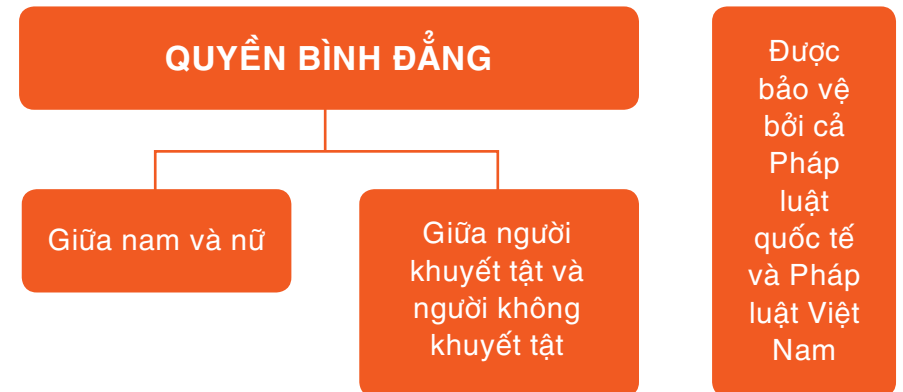
Tại nhóm quyền cơ bản thứ hai có một số quyền cụ thể như quyền an toàn về thân thể, quyền được hưởng một tiêu chuẩn sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất. Đồng thời, nhóm đối tượng yếu thế như phụ nữ, trẻ em gái nói chung và phụ nữ trẻ em gái khuyết tật (PNTEGKT) nói riêng thường nhận được những sự quan tâm đặc biệt trong các điều ước quốc tế kể trên.

Cũng tương tự như các văn bản pháp lý quốc tế, hệ thống pháp luật Việt Nam cũng không có văn bản pháp luật điều chỉnh riêng về vấn

để phòng chống bạo lực tình dục đối với phụ nữ, trẻ em gái. Tuy nhiên chính sách phòng, chống bạo lực tình dục xảy ra với PNTEGKT được lồng ghép trong nhiều văn bản pháp luật phòng chống bạo lực khác nhau. Dưới đây là nội dung cụ thể của hai nhóm quyền con người mang tính chất nền tảng được quy định trong một số văn kiện pháp lý quốc tế và Việt Nam. Những quyền cơ bản này là cơ sở pháp lý để khẳng định chắc chắn rằng phụ nữ, trẻ em gái nói chung và phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật nói riêng hoàn toàn có quyền được bảo vệ khỏi các nguy cơ trở thành nạn nhân của bạo lực tình dục.

2.1. Nhóm quyền bình đẳng

Như đã nêu ở phần 1, bạo lực tình dục là một hình thức của bạo lực trên cơ sở giới. Vì những lí do khuyết tật của mình mà phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật cũng có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của BLTD. Vậy nên đảm bảo sự bình đẳng giữa phụ nữ, trẻ em gái (trong đó có phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật) và nhóm đối tượng khác là một yếu tố cơ bản góp phần phòng, chống tình trạng BLTD xảy ra với họ.



THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ

Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR 1948):

Điều 1: “Mọi người sinh ra tự do và bình đẳng về phẩm cách và quyền lợi, có lý trí và lương tri, và phải đối xử với nhau trong tình bác ái”

Điều 2: “Ai cũng được hưởng những quyền tự do ghi trong bản Tuyên ngôn này không phân biệt đối xử vì bất cứ lý do nào, như chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, chính kiến hay quan niệm, nguồn gốc dân tộc hay xã hội, tài sản, dòng dõi hay bất cứ tình trạng nào khác.”

THEO LUẬT PHÁP VIỆT NAM

Hiến pháp 2013:

Điều 16: “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”

Điều 26 : “1. Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới.

2. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội.

3. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.”

Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chống lại phụ nữ (CEDAW 1981):

Toàn bộ tinh thần của công ước hướng tới việc xóa bỏ sự phân biệt đối xử về giới, lời nói đầu của văn kiện này nhấn mạnh việc “Quyết tâm thực hiện các nguyên tắc đề ra trong Tuyên bố về xóa bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, và nhằm mục đích đó, thông qua các biện pháp cần thiết để xoá bỏ tất cả những sự phân biệt đối xử như vậy dưới tất cả những hình thức và biểu hiện của chúng”.

Điều 3: “Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành mọi biện pháp thích hợp, kể cả về mặt lập pháp, trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt là về chính trị, xã hội, kinh tế và văn hóa, để đảm bảo sự phát triển và tiến bộ đầy đủ của phụ nữ, với mục đích đảm bảo cho họ thực hiện và được hưởng các quyền của con người và tự do cơ bản trên cơ sở bình đẳng với nam giới”.

Luật bình đẳng giới 2006:

Điều 4:

“Mục tiêu bình đẳng giới là xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình.”

Công ước quốc tế về các Quyền của Người khuyết tật (CRPD 2006):

Điều 1: “Mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ.”

Điều 5: “1. Quốc gia thành viên công nhận rằng mọi người đều bình đẳng trước pháp luật và có quyền được pháp luật bảo vệ, quyền được hưởng lợi ích của pháp luật một cách bình đẳng, không có sự phân biệt nào.

2. Quốc gia thành viên cấm phân biệt đối xử trên cơ sở sự khuyết tật và bảo đảm cho người khuyết tật sự bảo vệ pháp lý hữu hiệu và bình đẳng chống lại sự phân biệt đối xử trên bất kỳ cơ sở nào”.

Điều 6: “Phụ nữ và các bé gái khuyết tật dễ bị phân biệt đối xử, do vậy quốc gia thành viên phải tiến hành các biện pháp bảo đảm cho họ được hưởng trọn vẹn và bình đẳng các quyền và tự do cơ bản của con người”.

Điều 16: “Các quốc gia thành viên có nghĩa vụ xây dựng pháp luật và chính sách hiệu quả, trong đó có pháp luật và chính sách dành cho đối tượng là phụ nữ và trẻ em, để bảo đảm rằng mọi vụ việc bóc lột, bạo hành và lạm dụng đối với người khuyết tật đều phải được phát hiện, điều tra và truy tố nếu cần”.

Luật người khuyết tật 2010:

Điều 4 (Điểm a Khoản 1): “Người khuyết tật có quyền tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội”. Ngoài ra, đại đa số các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đều thể hiện nguyên tắc bình đẳng trong các chính sách pháp luật thuộc phạm vi điều chỉnh của từng luật (ví dụ như Bộ Luật Lao động, Luật Giáo dục,...).

2.2. Nhóm quyền được bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm

Nhóm quyền này là cơ sở pháp lý cơ bản để phụ nữ nói chung, phụ nữ khuyết tật nói riêng chống lại hành vi bạo lực tình dục dưới mọi hình thức.

THEO LUẬT PHÁP QUỐC TẾ	THEO LUẬT PHÁP VIỆT NAM
<p>Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 :</p> <p><i>Điều 3, Điều 4: “Mọi người đều có quyền được sống, tự do và an toàn thân thể. Không ai có thể bị bắt làm nô lệ hay nô dịch; chế độ nô lệ và sự mua bán nô lệ dưới mọi hình thức đều bị cấm chỉ.”</i></p> <p><i>Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966:</i></p> <p><i>Điều 7: “Không ai có thể bị tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt một cách tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ thấp nhân phẩm.”</i></p> <p><i>Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1996:</i></p> <p><i>Điều 12: “Các quốc gia thành viên thừa nhận quyền của mọi người được hưởng một tiêu chuẩn sức khỏe về</i></p>	<p><i>Các bản Hiến pháp của Việt Nam như Hiến pháp sửa đổi, bổ sung 1992 và Hiến pháp hiện hành 2013 đều ghi nhận một nguyên tắc “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác</i></p>

thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể được.”

Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979:

Điều 6: “Các quốc gia thành viên Công ước phải tiến hành tất cả các biện pháp thích hợp, kể cả về lập pháp, để xoá bỏ tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ và bóc lột mại dâm phụ nữ.”

Tuyên bố Đại hội đồng Liên hợp quốc về Xóa bỏ Bạo lực đối với Phụ nữ (DEVAW) 1993 không tập trung vào hành vi BLTD nhưng thừa nhận nó là một hình thức bạo lực chống lại phụ nữ (Điều 1). Lời nói đầu của văn kiện này cũng khẳng định sự lo ngại của các quốc gia thành viên về việc phụ nữ khuyết tật có nguy cơ trở thành nạn nhân của các hành vi bạo lực. Ngoài ra, DEVAW tái khẳng định phụ nữ được hưởng các quyền con người cơ bản, có thể kể đến như quyền được sống, quyền tự do và an toàn cá nhân, quyền không bị phân biệt đối xử...; các quốc gia nên sử dụng tất cả các phương tiện thích hợp và xây dựng kịp thời các chính sách xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ (trong đó có bạo lực tình dục) (Điều 3, Điều 4)

xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm.” (Điều 20 Hiến pháp 2013).

Nhiều đạo luật khác của Việt Nam đã cụ thể hóa quyền Hiến định nói trên trong phạm vi lĩnh vực điều chỉnh của từng đạo luật (Ví dụ như Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 33); Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 (Điều 10; Điều 11); Bộ luật Lao động 2012 (Điều 128); Luật phòng, chống mua bán người 2011 (Điều 3); Bộ Luật Hình sự 2015 (các điều từ 141-147; Điều 150-151 và nhiều điều khoản khác có liên quan);...

*** Về quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm đối với trẻ em, trẻ em gái khuyết tật.**

Như từng được khẳng định trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, trẻ em là đối tượng cần được chăm sóc đặc biệt. Vậy nên nhóm quyền của đối tượng này thường được nhấn mạnh, quy định chi tiết hơn trong một số văn bản riêng biệt.

***Theo pháp luật quốc tế:**

Trong Công ước của Liên Hợp Quốc về Quyền trẻ em đề cập đến 4 nhóm quyền của trẻ em gồm: (i) Nhóm quyền sống còn, (ii) Nhóm quyền được bảo vệ, (iii) Nhóm quyền được phát triển, (iv) Nhóm quyền được tham gia. Trong đó, **quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi bạo lực tình dục nằm trong nhóm quyền được bảo vệ**. Các quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi bạo lực tình dục được thể hiện qua những điều khoản sau đây:

- *Quyền được bảo vệ khỏi mọi hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần (Điều 19):* Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp thích hợp về lập pháp, hành pháp, xã hội và giáo dục để bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bạo lực về thể chất hoặc tinh thần, bị đánh đập hay lạm dụng, bị bỏ mặc hoặc sao nhãng chăm sóc, bị ngược đãi hoặc bóc lột, gồm cả sự xâm phạm tình dục, trong khi trẻ em vẫn nằm trong vòng chăm sóc của cha, mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ, của một hay nhiều người giám hộ pháp lý, hoặc của bất kỳ người nào khác được giao việc chăm sóc trẻ em.

- *Quyền được bảo vệ trước mọi hình thức bóc lột và lạm dụng tình dục (Điều 34):* Các quốc gia thành viên của Công ước phải thực hiện mọi biện pháp để ngăn ngừa: (i) Việc xúi giục hay ép buộc trẻ em tham gia bất kỳ hoạt động tình dục trái pháp luật nào; (ii) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong hoạt động mại dâm hay các hoạt động tình dục trái pháp luật khác; (iii) Việc sử dụng có tính chất bóc lột trẻ em trong các cuộc biểu diễn hay trong các tài liệu khiêu dâm.

- *Quyền được bảo vệ khỏi sự mua bán, bắt cóc (Điều 35):* Các quốc gia thành viên phải thực hiện mọi biện pháp song phương và đa phương thích hợp để ngăn ngừa việc bắt cóc, buôn bán trẻ em vì bất kỳ mục đích gì, dưới bất kỳ hình thức nào.

***Theo pháp luật Việt Nam**

Hiến pháp ghi nhận (**Điều 37**): *“Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em”.*

- **Luật Trẻ em 2016** đã điều chỉnh cả 04 nhóm quyền của trẻ em trên cơ sở các công ước quốc tế. Trong đó, tập trung vào 03 nhóm quyền: (i) Nhóm quyền sống còn, (ii) Nhóm quyền được bảo vệ, (iii) Nhóm quyền được phát triển. Tương tự như trong công ước quốc tế về quyền trẻ em, quyền được bảo vệ khỏi bạo lực tình dục cũng nằm trong nhóm quyền được bảo vệ.
- Quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị xâm hại tình dục (**Điều 25**);
- Quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc làm tổn hại đến sự phát triển toàn diện (**Điều 27**);

Quyền được bảo vệ để không bị mua bán nhằm mục đích xâm hại tình dục, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt (**Điều 28**).

Bên cạnh đó, điều đáng lưu ý là trẻ em khuyết tật (trong đó có trẻ em gái) được pháp luật Việt Nam xếp vào nhóm trẻ em đặc biệt cần được chăm sóc bảo vệ, Điều 35 Luật trẻ em 2016 quy định: *“Trẻ em khuyết tật được hưởng đầy đủ các quyền của trẻ em và quyền của người khuyết tật theo*

quy định của pháp luật; được hỗ trợ, chăm sóc, giáo dục đặc biệt để phục hồi chức năng, phát triển khả năng tự lực và hòa nhập xã hội.”

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỤ THỂ CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC TÌNH DỤC THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

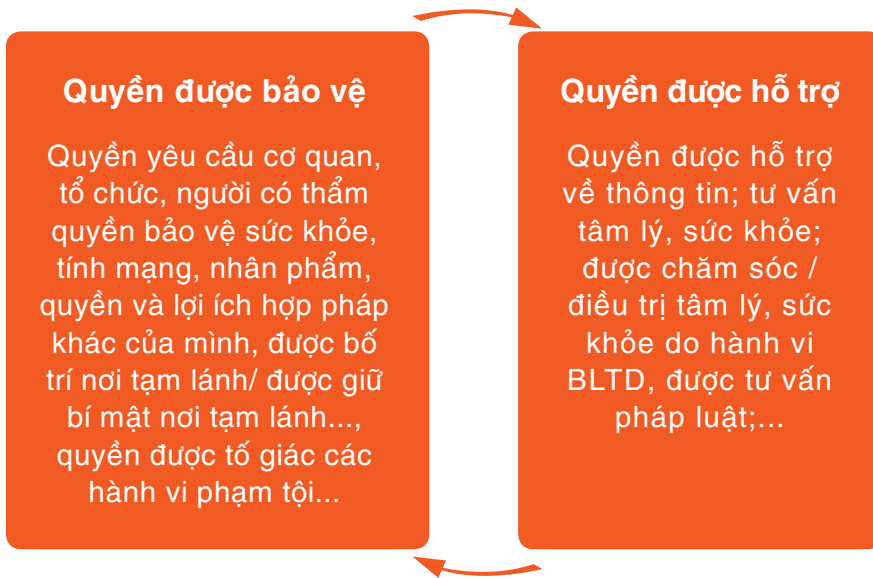
Mục này đề cập tới quyền cụ thể xuất phát từ các quyền cơ bản của con người nói trên. Những quyền này liên quan trực tiếp tới vấn đề bạo lực tình dục và được áp dụng trong từng vụ việc cụ thể. Một điểm *cần lưu ý* là: Hiện nay, trong nội dung chính sách pháp luật của Việt Nam chưa có các quy định riêng về phòng và chống bạo lực tình dục dành cho nhóm đối tượng là phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật. Do đó, trong nội dung của tài liệu này các nhóm quyền cụ thể của phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật về phòng chống bạo lực tình dục về cơ bản được dựa trên cơ sở tổng hợp, mô tả, phân tích các chính sách phòng, chống bạo lực tình dục đối với đối tượng phụ nữ, trẻ em nói chung (mà PNTEGKT là một bộ phận trong đó).

Trẻ em gái khuyết tật được hưởng các quyền bảo vệ và hỗ trợ như với đối tượng là phụ nữ khuyết tật. Ngoài ra, pháp luật còn đề ra một số biện pháp riêng để bảo vệ nhóm này (sẽ được đề cập cụ thể tại chương V).

Tài liệu cũng đưa ra một số nghĩa vụ đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong quá trình phòng chống bạo lực tình dục. Thực hiện nghiêm túc những nghĩa vụ này không chỉ bảo vệ bản thân phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trước hành vi bạo lực tình dục mà còn bảo vệ ngay chính những người xung quanh.

3.1. Quyền cụ thể của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong phòng, chống bạo lực tình dục

Gồm 02 nhóm quyền được mô tả dưới sơ đồ sau:



Quyền được bảo vệ

Quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, được bố trí nơi tạm lánh/ được giữ bí mật nơi tạm lánh..., quyền được tố giác các hành vi phạm tội...

Quyền được hỗ trợ

Quyền được hỗ trợ về thông tin; tư vấn tâm lý, sức khỏe; được chăm sóc / điều trị tâm lý, sức khỏe do hành vi BLTD, được tư vấn pháp luật;...

3.1.1. Một số quyền được bảo vệ

(Các quyền được bảo vệ của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi mua bán người nhằm bóc lột tình dục sẽ được nêu cụ thể tại phần sau của mục này.)

3.1.1.1. Nhóm quyền được bảo vệ theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực hành chính và lao động

Pháp luật Việt Nam quy định một số hành vi bị cấm trong quan hệ gia đình, trường học, nơi khám chữa bệnh, nơi làm việc,... và quy định các biện pháp xử phạt hành chính đối với những người có hành vi bạo

lực tình dục trong phạm vi gia đình và cộng đồng (hành vi của người gây ra BLTD là chưa đến mức bị xử lý hình sự theo kết luận của các cơ quan chức năng). Nếu trở thành nạn nhân của các hành vi đó, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật có quyền **tố cáo người thực hiện hành vi tới cơ quan có thẩm quyền** (Điều 9 Luật tố cáo 2011). Trong một số trường hợp cụ thể, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật còn có thêm một số quyền đặc thù như sau:

a) Quyền được bảo vệ khi bị bạo lực tình dục trong phạm vi gia đình

Hành vi “**Cưỡng ép quan hệ tình dục**” là 01 trong 09 nhóm hành vi bạo lực tình dục bị cấm trong phạm vi gia đình theo quy định của Luật Phòng chống bạo lực gia đình (Điểm đ, Khoản 1, Điều 2 Luật Phòng chống BLGD 2007).

Khoản 3 Điều 52 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình quy định 2 loại hành vi bạo lực tình dục bị xử phạt hành chính, bao gồm:

1. Cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;
2. Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng.

“Thành viên gia đình” theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bao gồm: *vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị, em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột.* (Khoản 16 Điều 3 Luật HN & GD)

Có thể thấy về cơ bản phụ nữ trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hai hành vi trên đều được hưởng các quyền bảo vệ theo quy định của pháp luật phòng chống bạo lực gia đình, các quyền này bao gồm:

+ Yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền (cơ quan công an, ủy ban nhân dân xã) bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình;

+ Yêu cầu cơ quan, người có thẩm quyền (cơ quan công an, ủy ban nhân dân xã) áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, cấm tiếp xúc;

+ Được bố trí nơi tạm lánh, được giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin khác.

(Điều 5 Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007)

Lưu ý:

***Về biện pháp cấm tiếp xúc:**

Biện pháp cấm tiếp xúc nhằm không cho phép người người có hành vi bạo lực (gồm bạo lực tình dục) tiến hành những hành vi như sau đối với nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình (gồm PNTEGKT): Đến gần nạn nhân trong khoảng cách dưới 30m (trừ trường hợp giữa người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân có sự ngăn cách như tường, hàng rào hoặc các vật ngăn cách khác, bảo đảm đủ an toàn cho nạn nhân); sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc các phương tiện thông tin khác để thực hiện hành vi bạo lực với nạn nhân (Điều 8, Nghị định 08/2009/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật phòng, chống bạo lực gia đình).

Theo quy định của Điều 9, Nghị định số 08/2009/NĐ-CP thì *Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã/ phường* nơi xảy ra bạo lực gia đình có thẩm quyền ra quyết định về việc áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình (trong đó có nạn nhân bạo lực tình dục) trong thời hạn không quá 03 ngày khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đơn yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình, người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Đã có hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của nạn nhân bạo lực gia đình;

- Người có hành vi bạo lực gia đình và nạn nhân bạo lực gia đình có nơi ở khác nhau trong thời gian cấm tiếp xúc.

Hành vi bạo lực gia đình (bao gồm BLTD) nói trên được xác định khi có một trong các căn cứ như:

- Có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra.

- Có dấu vết thương tích trên cơ thể nạn nhân có thể nhận thấy rõ bằng mắt thường hoặc có dấu hiệu rõ ràng về hoảng loạn tinh thần của nạn nhân bạo lực gia đình.

Khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc phải ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật (Khoản 5, Điều 9 của Nghị định nêu trên).

Như vậy, khi là nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình (gồm BLTD) thì phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là đối tượng đặc biệt được bảo vệ trong quá trình áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc nhằm ngăn chặn, bảo vệ họ tiếp tục bị bạo lực hoặc đe dọa bị bạo lực. Dựa vào quy định nêu trên của pháp luật về biện pháp cấm tiếp xúc, phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật có quyền trực tiếp làm đơn đề nghị lên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã ra quyết định cấm tiếp xúc hoặc đề nghị người giám hộ hoặc người đại diện hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hỗ trợ họ thực hiện quyền này. Các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gồm: cơ

quan Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội; cơ quan Công an; cơ quan nơi làm việc của nạn nhân hoặc tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội mà nạn nhân là thành viên (Khoản 2, Điều 9, Nghị định 08/2009/NĐ-CP).

***Về nơi tạm lánh**

Theo quy định của Luật Phòng chống bạo lực gia đình và các văn bản hướng dẫn chi tiết thi hành Luật này, **nơi tạm lánh** đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của bạo lực gia đình (gồm BLTD) là *các cơ sở trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình*, gồm cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm công tác xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, cơ sở hỗ trợ nạn nhân của hành vi mua bán người;... (nội dung chi tiết nêu tại Chương V của tài liệu này).

Ví dụ về trường hợp phụ nữ, trẻ em gái thực hiện quyền được bảo vệ khi trở thành nạn nhân của bạo lực tình dục:

A - 13 tuổi, là NKT thần kinh, tâm thần mức độ nhẹ. Một lần A bị chú ruột (B) lôi vào phòng kín, bắt thực hiện các hành vi kích dục. Em có kể lại chuyện với một số người trong gia đình nhưng không ai tin, vì chú của A từ trước đến nay vẫn nổi tiếng hiền lành và do khuyết tật của mình, ý kiến của em không được tôn trọng đúng mức.

Thấy tình hình như vậy, B ngày một lộng hành hơn và A cũng chỉ biết lảng lạng chịu đựng. Sau một khoảng thời gian dài bị người chú chèn ép, A không cảm thấy tủ

thân và không thể nhẫn nhịn nữa, em kể lại chuyện này với giáo viên của mình. Cô giáo lắng nghe những chia sẻ của A, em cũng thể hiện nỗi lo khi chuyện này bị công khai em sẽ không còn mặt mũi gặp người thân cũng như bạn bè xung quanh. Tuy nhiên, xét đến việc nếu hành vi của B không bị ngăn chặn, tương lai A sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều, 2 người quyết định đến khai báo tại cơ quan công an. Cha mẹ A khi thấy có sự can thiệp của cô giáo cũng có cái nhìn nghiêm túc hơn về câu chuyện em kể.

Sau khi khai báo sự việc với cơ quan công an, trải qua quá trình điều tra ban đầu, thấy A có dấu hiệu bị xâm hại, em được kiểm tra sức khỏe, tư vấn tâm lý cũng như một số vấn đề liên quan tới pháp luật (theo yêu cầu của gia đình A, cơ quan công an cũng có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ra quyết định cấm nghi phạm B tiếp xúc với em A).

Người chú của A sau đó phải làm việc với các cơ quan chức năng và bị điều tra về những hành vi của mình.

b) Quyền được bảo vệ trong trường hợp phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của bạo lực tình dục tại nơi làm việc

Hành vi **“quấy rối tình dục nơi làm việc”** là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Bộ luật Lao động (Khoản 2, Điều 8 Bộ luật Lao động).

- Căn cứ **Điểm c Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Lao động 2012**, phụ nữ trẻ em gái khuyết tật bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Khi đơn phương chấm dứt lao động trong trường hợp này cần báo trước cho người sử dụng lao động ít nhất trước 03 ngày làm việc (**Điểm a Khoản 2 Điều 37 Bộ luật lao động 2012**).

Ví dụ câu chuyện về nạn nhân bị quấy rối tình dục nơi làm việc

Chị B - 21 tuổi, là NKT vận động làm ở cơ sở thêu ren, sản xuất đồ lưu niệm. B có vẻ ngoài khá ưa nhìn nên đã “lọt vào mắt” của ông chủ cơ sở sản xuất. Nhiều lần viện cố theo dõi, hướng dẫn nhân viên làm việc, ông ta đứng sát từ phía sau, quàng tay qua vai và làm một số cử chỉ sàm sỡ đối với chị B. Chị B rất sợ hãi nhưng nể nang ông chủ, phần ngại bị ông ta viện cố cho thôi việc nên chỉ né người tránh. Nhưng càng ngày ông chủ càng lấn tới, một ngày vài lần ông ta tìm cách đụng chạm thân thể của B. Tiếp đó, ông nhiều lần nói nhỏ, nhắn tin qua điện thoại với chị B rằng nếu “chiều” ông sẽ được tăng lương, tặng quà,...và còn dọa dẫm nếu nói ra với bất kỳ ai sẽ đuổi việc. B không dám mách với ai trong gia đình, kể cả chồng. Tuy nhiên, chị luôn sống trong tình trạng hoảng hốt, lo lắng, sợ hãi mỗi lần đến xưởng thêu ren. Chị H - chi hội trưởng chi Hội NKT nhiều lần tình cờ gặp chị B đi làm về, thấy mặt mũi B ngày càng xanh tái, ngơ ngác, chị H đoán có việc gì không hay đang xảy đến với chị B đã tìm cách hỏi

han, tâm sự. Sau khi biết toàn bộ sự việc và tham khảo ý kiến anh cán bộ tư pháp xã, chị H đã khuyên B thôi việc ở Xưởng đó. Theo hướng dẫn của chị H, chị B đã thông báo với ông chủ xưởng là mình sẽ nghỉ việc sau 03 ngày và sau đó cùng chị H đến yêu cầu gã chủ phải thanh toán số tiền lương còn nợ chị B. Gã chủ đã phải trả chị B số lương còn nợ và nhận được lời cảnh cáo của chị Chi hội Trưởng Hội NKT: “Ông liệu hồn, còn giở trò “dê già” với bất kỳ chị em công nhân nào, nhất là chị em KT thì chúng tôi sẽ báo công an”. Tin tức về lão chủ “râu xồm” được loan ra rất nhanh, mấy chị em công nhân khuyết tật cùng cảnh ngộ bị lão chủ quấy rối tình dục như chị B đều đồng loạt bỏ việc sang làm ở xưởng thêu của xã khác.

c) Quyền được bảo vệ trong trường hợp là nạn nhân của hành vi bạo lực tình dục tại nơi học tập, khám chữa bệnh

i) Quyền được bảo vệ tại nơi học:

Phụ nữ, trẻ em gái nói chung và PNTEGKT nói riêng đều có thể là người học hoặc nhà giáo tại các cơ sở giáo dục. Trong danh mục quy định các hành vi bị nghiêm cấm tại các cơ sở giáo dục, Luật Giáo dục 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2015) nghiêm cấm cả hành vi “xâm phạm thân thể” của cả người học lẫn nhà giáo (Khoản 1, Điều 75 và Khoản 1, Điều 88 Luật Giáo dục). Tuy không phân định rõ nhưng trong nhóm hành vi “xâm phạm thân thể” này có thể hiểu đương nhiên bao gồm hành vi bạo lực tình dục tại các cơ sở giáo dục.

Người có hành vi xâm phạm thân thể người học hoặc nhà giáo (mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự) đều bị xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật (Điều 19 và 21 Nghị định 138/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục).

ii) Quyền được bảo vệ tại nơi khám chữa bệnh:

Hành vi lợi dụng nghề nghiệp để *xâm phạm thân thể* của người bệnh là một trong những hành vi bị cấm được quy định tại Luật Khám chữa bệnh (Điều 6, Luật Khám chữa bệnh 2009) và người nào (bác sĩ, nhân viên y tế,...) có hành vi lợi dụng việc khám chữa bệnh *quấy rối tình dục người bệnh* thì tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính (Điểm c Khoản 3 Điều 28 nghị định 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế).

iii) Quyền được bảo vệ theo quy định của pháp luật về người khuyết tật:

Luật Người khuyết tật 2010 quy định hành vi “xâm phạm thân thể người khuyết tật” là một trong những hành vi bị nghiêm cấm, bên cạnh những hành vi bị cấm như hành vi kỳ thị phân biệt đối xử, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, không chăm sóc NKT,.. (Điều 14, Luật NKT). Và, những người có hành vi “xâm phạm thân thể” người khuyết tật (mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền), thì tùy vào mức độ hành vi, sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định Nghị định của Chính phủ số 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em (Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định này). Như vậy phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là chủ thể được bảo vệ chung trong nhóm đối tượng là người khuyết tật, họ có quyền được pháp luật bảo vệ chống lại những hành vi xâm phạm thân thể của họ (bao gồm cả BLTD) theo quy định của pháp luật về người khuyết tật hiện hành ở nước ta.

3.1.1.2. Nhóm quyền được bảo vệ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự

Trường hợp phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trở thành nạn nhân (người bị hại) của hành vi bạo lực tình dục trong một vụ việc hình sự, họ có quyền cụ thể như sau:

a) Quyền tố giác tội phạm tới cơ quan có thẩm quyền (Điều 143-144 Bộ luật Tố tụng hình sự)

b) Quyền được bảo vệ trong quá trình điều tra (Điều 486 Bộ Luật Tố tụng Hình sự 2015) ,bao gồm việc PNTEGKT được cơ quan điều tra:

- + Bố trí lực lượng, tiến hành các biện pháp nghiệp vụ, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và các phương tiện khác để canh gác, bảo vệ PNTEGKT;

- + Hạn chế việc đi lại, tiếp xúc của PNTEGKT để bảo đảm an toàn;

- + Giữ bí mật và yêu cầu người khác giữ bí mật các thông tin liên quan đến PNTEGKT;

- + Di chuyển, giữ bí mật chỗ ở, nơi làm việc, học tập; thay đổi tung tích, lý lịch, đặc điểm nhân dạng của PNTEGKT nếu được đồng ý;

- + Răn đe, cảnh cáo, vô hiệu hóa các hành vi xâm hại PNTEGKT; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hành vi xâm hại theo quy định của pháp luật;

- + Một số biện pháp khác tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể.

c) Được hưởng toàn bộ các quyền của người bị hại (người trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do hành vi phạm tội gây ra), bao gồm các quyền được quy định tại Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, cụ thể:

- Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ của mình;

- Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;

- Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá;
- Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật;
- Được thông báo kết quả điều tra, giải quyết vụ án;
- Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;
- Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp bảo đảm bồi thường;
- Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;
- Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;
- Tham gia các hoạt động tố tụng;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;
- Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;
- Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

d) Quyền được bảo vệ bí mật trong quá trình xét xử thông qua hình thức xét xử kín tại Tòa án

Phụ nữ, trẻ em gái nói chung và phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật nói riêng khi là người bị hại trong các vụ án hình sự do tội phạm về bạo

lực tình dục như hiếp dâm, cưỡng dâm, mua bán người (vì mục đích bóc lột tình dục),... thì bên cạnh việc tổn hại về thể chất, tinh thần,... họ còn có thể chịu tác động tiêu cực, nặng nề bởi những định kiến xã hội. Những điều này ảnh hưởng lâu dài đến các mối quan hệ gia đình - xã hội và thậm chí ảnh hưởng xấu đến tương lai của họ (đặc biệt là đối với các em gái khuyết tật là người bị hại trong các tội phạm bạo lực tình dục). Bên cạnh đó, những loại tội phạm đặc thù về bạo lực tình dục đa phần thường có những tình tiết khá “nhạy cảm” mà khi xét xử công khai tại tòa án có thể ảnh hưởng đến cả vấn đề thuần phong mỹ tục chung (trong điều kiện Việt Nam là nước Á Đông, những thông tin liên quan đến vấn đề quan hệ sinh lý - dù tự nguyện hay cưỡng ép, thường được thể hiện kín đáo trong phạm vi nhất định). Vì vậy, dù nguyên tắc chung xét xử tại tòa là nguyên tắc “xét xử công khai” theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, nhưng Bộ Luật Tố tụng hình sự nước ta cũng quy định những trường hợp Tòa án xét xử kín, đó là: “*Trường hợp đặc biệt cần giữ bí mật nhà nước, thuần phong, mỹ tục của dân tộc, bảo vệ người dưới 18 tuổi hoặc để giữ bí mật đời tư theo yêu cầu chính đáng của đương sự thì Tòa án có thể xét xử kín nhưng phải tuyên án công khai*” (**Điều 25 BLTTHS 2015**).

Như vậy, để được bảo vệ theo quy định của pháp luật thì *khi là người bị hại trong các vụ án hình sự về bạo lực tình dục*, phụ nữ, trẻ em gái nói chung và PNTEGKT nói riêng (hoặc người đại diện hợp pháp của họ) đều *có quyền đề nghị Tòa án xét xử kín* theo trình tự, thủ tục luật định.

3.1.1.3. Quyền được bảo vệ trong trường hợp phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi mua, bán người nhằm bóc lột tình dục

Khi trở thành nạn nhân của hành vi mua bán người nhằm bóc lột tình dục tình dục, PNTEGKT có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức, người

có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ mình, người thân thích khi bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị xâm hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và tài sản. Các biện pháp bảo vệ được thể hiện dưới nhiều hình thức như mô tả dưới đây:



3.1.2. Một số quyền được hỗ trợ

3.1.2.1. Đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi bạo lực tình dục nói chung (Quyền được hỗ trợ của nạn nhân của hành vi mua bán người nhằm bóc lột tình dục sẽ được nêu ở phía dưới):

Có các quyền chủ yếu như sau theo quy định của pháp luật:

- Được thông tin tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình (gồm cả hành vi BLTD);
- Được tư vấn chăm sóc sức khỏe; được khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; được tư vấn tâm lý;
- Được tư vấn về pháp luật hoặc được trợ giúp pháp lý;
- Được hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu.

Các quyền này áp dụng theo phạm vi là nạn nhân của hành vi BLTD trong gia đình (chủ yếu) và nạn nhân của hành vi BLTD ngoài xã hội.

a) Về quyền được thông tin, tuyên truyền:

Phụ nữ và trẻ em (bao gồm phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật) được thông tin *các nội dung* như: chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bình đẳng giới, quyền và nghĩa vụ của các thành viên gia đình; tác hại của bạo lực gia đình; biện pháp, mô hình, kinh nghiệm trong phòng, chống bạo lực gia đình; kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử; các nội dung khác có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình. Nội dung thông tin tuyên truyền phải phù hợp với từng đối tượng, trình độ, lứa tuổi, truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo và không làm ảnh hưởng đến bình đẳng giới, danh dự, nhân phẩm, uy tín của nạn nhân bạo lực gia đình và các thành viên khác trong gia đình.

Hình thức thông tin gồm: thông tin trực tiếp; thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; lồng ghép trong việc giảng dạy, học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; thông qua

hoạt động văn học, nghệ thuật, sinh hoạt cộng đồng và các loại hình văn hoá quần chúng khác.

(Điều 19, 20 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật 2012; các Điều 9-11 Luật Phòng chống Bạo lực gia đình)

* Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thông tin tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình (gồm BLTD) cho phụ nữ trẻ em gái khuyết tật:

Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Thông tin và Truyền thông; Ủy ban nhân dân các cấp; Mặt trận Tổ quốc; Hội Liên hiệp Phụ nữ; các cơ quan, tổ chức xã hội khác có liên quan.

(Điều 33,34,36,38, 39,40... Luật Phòng chống bạo lực gia đình)

b) Về quyền được tư vấn y tế và chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh và tư vấn về tâm lý:

Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của BLTD được hỗ trợ các biện pháp sau đây:

- Được chăm sóc sức khỏe tại cơ sở khám chữa bệnh: Được tư vấn về y tế, được khám sức khỏe, điều trị trong các cơ sở khám chữa bệnh và được quyền yêu cầu cơ sở chăm sóc sức khỏe xác nhận việc khám, điều trị đối với tình trạng sức khỏe của mình sau khi bị bạo lực tình dục;

- Được giữ bí mật thông tin khi khám chữa bệnh, thông tin về sức khỏe, hồ sơ bệnh án (trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật các thông tin của nạn nhân phải được cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án,...);

- Được Quỹ Bảo hiểm y tế chi trả đối với việc khám chữa bệnh khi là nạn nhân BLTD (đối với những người có bảo hiểm y tế).

(Điều 23, 24 và Điều 27 Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Điều 8, Điều 53 Luật khám bệnh, chữa bệnh)

* Trách nhiệm tư vấn y tế và chăm sóc sức khỏe, tư vấn về tâm lý của các cơ qua, tổ chức, cá nhân:

- Cơ sở khám chữa bệnh:

+ Tổ chức việc ưu tiên cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh kịp thời;

+ Nhân viên y tế khi thực hiện nhiệm vụ của mình có trách nhiệm giữ bí mật thông tin về nạn nhân bạo lực gia đình; trường hợp phát hiện hành vi bạo lực gia đình có dấu hiệu tội phạm phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để báo cho cơ quan công an nơi gần nhất;

+ Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước, ngoài việc tổ chức cấp cứu, khám chữa bệnh và tư vấn cho nạn nhân thì tùy theo khả năng và điều kiện thực tế, bố trí nơi tạm lánh cho nạn nhân bạo lực gia đình trong thời gian không quá 01 ngày theo yêu cầu của nạn nhân bạo lực gia đình.

(Điều 23, Điều 24 của Luật Phòng chống bạo lực gia đình; Điều 3, Điều 53 của Luật khám chữa bệnh)

- Cơ quan tổ chức khác:

Cơ sở bảo trợ xã hội; Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình và các tổ chức xã hội khác có trách nhiệm tư vấn tâm lý, tư vấn chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân phù hợp với điều kiện, khả năng của mình.

(Điều 28, 29 Luật Phòng chống bạo lực gia đình)

c) Về quyền được hỗ trợ tư vấn pháp luật và trợ giúp pháp lý:

- Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi bạo lực

tình dục trong phạm vi gia đình và ngoài xã hội được quyền nhận được tư vấn pháp luật từ các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình và các tổ chức xã hội khác.

- Đối với những phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của BLTD thuộc hộ nghèo, cận nghèo; khuyết tật ở mức độ nặng hoặc đặc biệt nặng (được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng) sẽ được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý (miễn phí) của Nhà nước từ các Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước theo các hình thức: tổ tụng, tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tổ tụng.

(Điều 7; Điều 27 Luật Trợ giúp pháp lý 2017; Điều 2, Nghị định 144/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý)

d) Về quyền được hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu:

Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên, tổ chức xã hội khác tại địa phương và các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình thực hiện hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân bạo lực gia đình (bao gồm nạn nhân BLTD).

(Điều 25 Luật Phòng chống Bạo lực gia đình)

3.1.2.2. Đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của mua bán người (nhằm bóc lột tình dục tình dục):

Có các quyền sau đây theo quy định của Luật Phòng chống mua bán người 2011 *(quy định tại các Điều 32-38 của Luật):*

- *Được hỗ trợ về nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại:* Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật được bố trí chỗ ở tạm thời, được hỗ trợ về ăn, mặc

và các vật dụng cá nhân thiết yếu khác trên cơ sở điều kiện thực tế và đặc điểm về lứa tuổi, giới tính, tình trạng sức khỏe của nạn nhân. Họ có nguyện vọng trở về nơi cư trú mà không có khả năng chi trả tiền tàu xe và tiền ăn trong thời gian đi đường thì được hỗ trợ các khoản chi phí này.

- *Được hỗ trợ về y tế:* Trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân; nếu phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật cần được chăm sóc y tế để phục hồi sức khỏe thì được xem xét hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh.

- *Được hỗ trợ tư vấn tâm lý:* Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật được hỗ trợ để ổn định tâm lý trong thời gian lưu trú tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở hỗ trợ nạn nhân.

- *Được trợ giúp pháp lý:* Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật được tư vấn pháp luật để phòng ngừa bị mua bán trở lại và được trợ giúp pháp lý để làm thủ tục đăng ký hộ khẩu, hộ tịch, nhận chế độ hỗ trợ, đòi bồi thường thiệt hại, tham gia tố tụng và các thủ tục pháp lý khác có liên quan đến vụ việc mua bán người.

- *Được hỗ trợ học văn hóa, học nghề:* Trẻ em gái khuyết tật là người chưa thành niên thuộc hộ nghèo, nếu tiếp tục đi học thì được hỗ trợ tiền học phí, tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập. Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật thuộc hộ nghèo khi trở về địa phương sẽ được xem xét hỗ trợ học nghề.

- *Được trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn:* Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật nếu thuộc hộ nghèo thì được hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu. Trong trường hợp nạn nhân có nhu cầu vay vốn để sản xuất, kinh doanh thì được xem xét tạo điều kiện vay vốn.

* Những cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thực hiện các quyền được hỗ trợ nói trên của PNTEG khuyết tật là nạn nhân của hành vi mua bán người (nhằm bóc lột tình dục):

- Ủy ban nhân dân cấp xã đã tiếp nhận nạn nhân, cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển đã giải cứu nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho nạn nhân.

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện hỗ trợ chi phí đi lại cho nạn nhân trong trường hợp họ tự trở về nơi cư trú.

- Cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu, hỗ trợ tâm lý, hỗ trợ y tế cho nạn nhân.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân; phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ y tế, hỗ trợ học văn hóa, học nghề cho nạn nhân.

(Điều 39 Luật Phòng chống mua bán người)

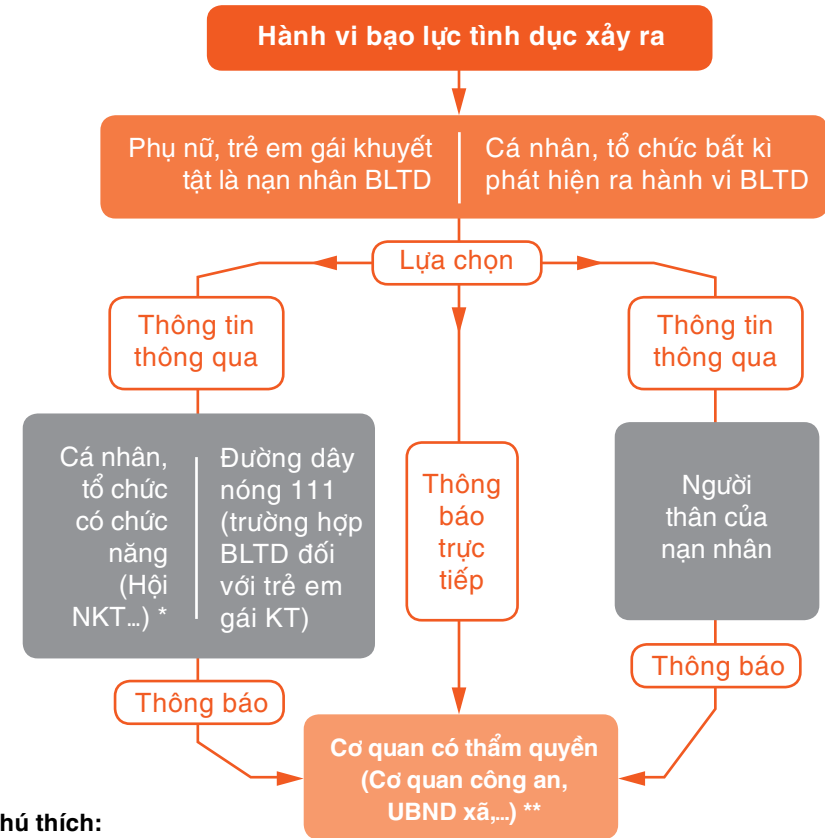
3.1.3. Quy trình thực hiện quyền của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong phòng và chống bạo lực tình dục

Câu hỏi được đặt ra mà mọi người đều quan tâm là: Khi một phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi bạo lực tình dục thì chính bản thân họ/ gia đình họ/ các tổ chức bảo vệ quyền lợi của họ phải làm gì để bảo vệ họ?

Các sơ đồ dưới đây mô tả quy trình can thiệp vào vụ việc bạo lực tình dục đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam (quy trình can thiệp vào vụ việc mà phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi mua bán người nhằm bóc lột tình dục được mô tả ở sơ đồ riêng số 3 trong tài liệu này).

SƠ ĐỒ 1: QUY TRÌNH CAN THIỆP VÀO VỤ VIỆC BẠO LỰC TÌNH DỤC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT

Bước 1: Thông tin tới người thân, cá nhân, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi bạo lực tình dục



Chú thích:

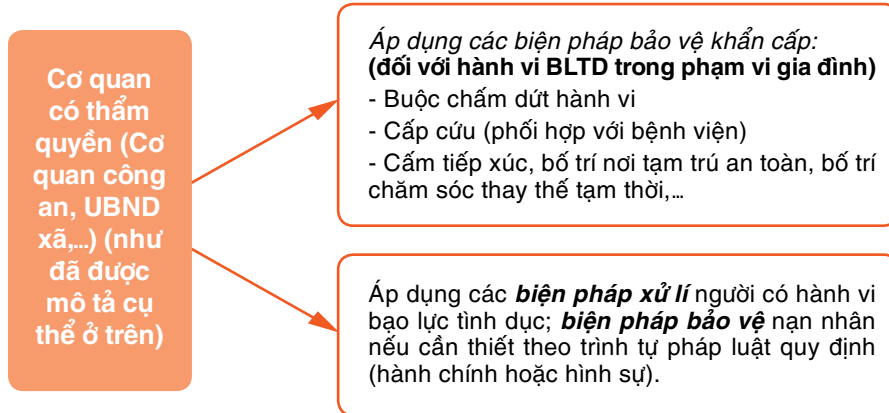
- Sự kiện bắt đầu xảy ra.
- Nạn nhân hoặc những cá nhân, tổ chức ban đầu phát hiện ra hành vi BLTD.
- Nhóm hỗ trợ thông báo về hành vi BLTD tới cơ quan có thẩm quyền.
- Các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ nạn nhân và xử lý vi phạm.
- Chỉ dẫn các bước thực hiện.

*** Bao gồm:** Các hội nhóm tại địa phương như Hội Người khuyết tật, Hội phụ nữ,... Chủ tịch, phó chủ tịch có vai trò hỗ trợ thành viên trong các hội đó.

**** Bao gồm:** Bất kì cơ quan công an nào gần nhất (cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh); UBND gần nhất (cấp xã, huyện, tỉnh),...

Các phương thức thông báo tới cơ quan có thẩm quyền có thể bao gồm: Gọi điện thoại, gặp và trao đổi trực tiếp, làm văn bản trình báo.

Bước 2: Các cơ quan có thẩm quyền can thiệp vào vụ việc để bảo vệ nạn nhân

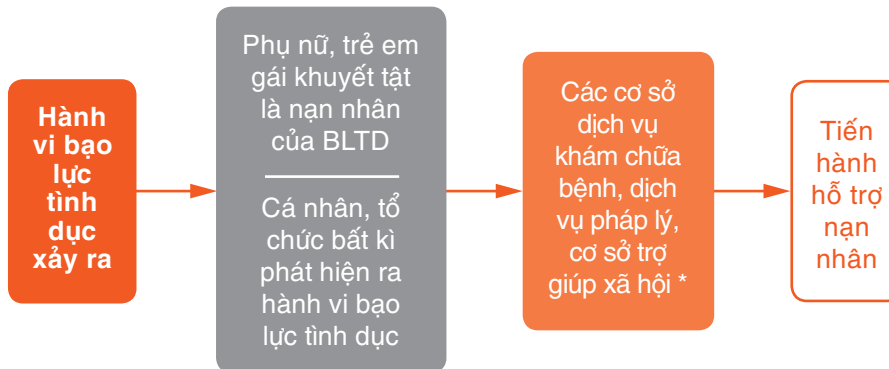


LƯU Ý: QUÁ TRÌNH CAN THIỆP VÀO VỤ VIỆC BAO LỰC TÌNH DỤC VÀ CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ NẠN NHÂN (ĐƯỢC MÔ TẢ THEO HAI SƠ ĐỒ TRÊN) CÓ THỂ DIỄN RA ĐỒNG THỜI VÀ CÓ SỰ PHỐI HỢP GIỮA NHIỀU ĐƠN VỊ KHÁC NHAU.

Thực hiện quyền đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của hành vi mua bán người nhằm bóc lột tình dục:

** Sơ đồ quy trình can thiệp vào vụ việc mua bán phụ nữ; trẻ em gái khuyết tật nhằm bóc lột tình dục và quy trình hỗ trợ nạn nhân*

SƠ ĐỒ 2: QUY TRÌNH CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ HỖ TRỢ PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT LÀ NẠN NHÂN CỦA BAO LỰC TÌNH DỤC

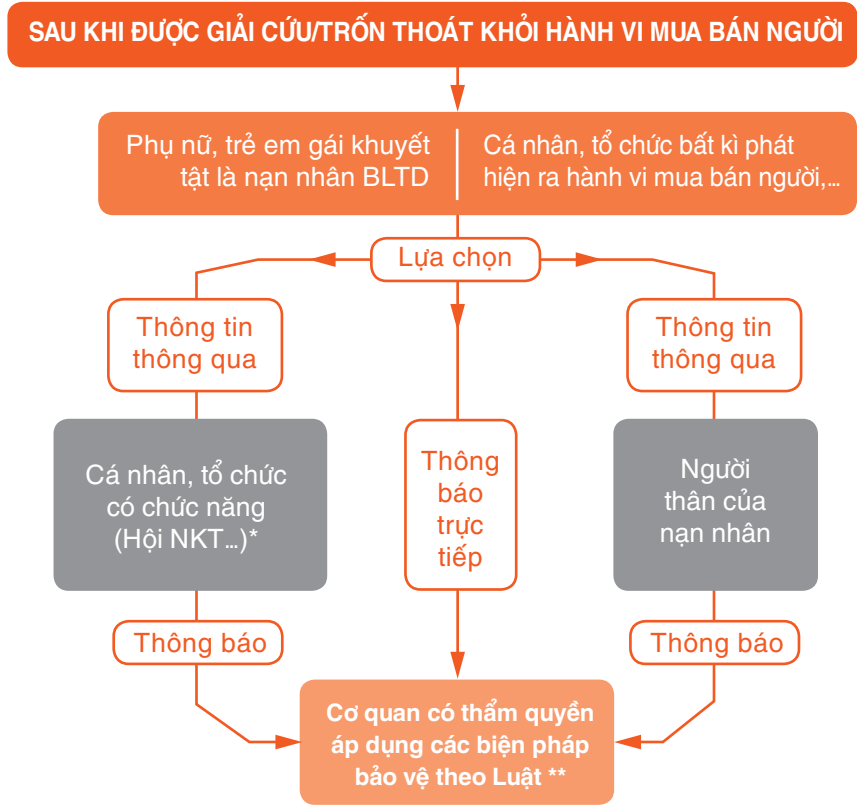


Chú thích:

- Sự kiện bắt đầu xảy ra.
- Nạn nhân hoặc những cá nhân, tổ chức ban đầu phát hiện ra hành vi BLTD.
- Nhóm tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ nạn nhân.
- Chỉ dẫn các bước thực hiện.

*** Bao gồm: Các cơ sở khám chữa bệnh như bệnh viện, phòng khám, cơ sở dịch vụ y tế, trạm y tế xã,...; Cơ sở dịch vụ pháp lý như: trung tâm trợ giúp pháp lý, các tổ chức hành nghề luật sư; Các cơ sở trợ giúp xã hội gồm cơ sở bảo trợ xã hội, trung tâm công tác xã hội, các cơ sở hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình, hỗ trợ nạn nhân của hành vi mua bán người, vv (được đề cập cụ thể ở chương V);...**
Tùy vào chức năng, các cơ sở này sẽ tiến hành hỗ trợ về chăm sóc sức khỏe, tâm lý, tư vấn pháp luật hoặc trợ giúp pháp lý và các hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật đối với nạn nhân của hành vi BLTD.

SƠ ĐỒ 3: QUY TRÌNH CAN THIỆP VÀO VỤ VIỆC MUA BÁN PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT NHẪM BÓC LỘT TÌNH DỤC



Chức năng của các nhóm theo màu tương tự Sơ đồ 1 và 2

LƯU Ý: QUÁ TRÌNH HỖ TRỢ đối với phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của mua bán người nhằm bóc lột tình dục CÓ THỂ DIỄN RA ĐỒNG THỜI với quá trình can thiệp; và CÁC BƯỚC TƯƠNG TỰ như quy trình cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật là nạn nhân của bạo lực tình dục.

* Bao gồm: Các hội nhóm tại địa phương như Hội Người khuyết tật, Hội phụ nữ,... Chủ tịch, phó chủ tịch có vai trò hỗ trợ thành viên trong các hội đó.

** Bao gồm: Cơ quan cảnh sát điều tra trong Công an nhân dân; Cơ quan điều tra hình sự trong Quân đội nhân dân; Bộ đội biên phòng; Cảnh sát biển; Viện kiểm sát và tòa án các cấp; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,...

Câu chuyện của một nạn nhân mua bán người

A - 15 tuổi, là NKT vận động mức độ nhẹ, con gái vợ chồng chị C tại huyện X tỉnh Y. Một buổi chiều tháng 3 năm 2013, A đi học không thấy về, gia đình chị C đã liên hệ khắp nơi nhưng không tìm được tung tích của em. Bố mẹ em rất buồn nhưng chưa bao giờ ngưng hi vọng được gặp lại con mình.

Tháng 7 năm 2013, gia đình nhận được tin từ các cơ quan chức năng rằng A vừa được giải cứu từ một đường dây mua bán người, em đang được đưa về cùng một số cán bộ.

Đoàn tụ với A, gia đình vô cùng vui mừng. A nghẹn ngào kể lại câu chuyện của em. Hôm đó đang trên đường đi học về thì em bị một nhóm đối tượng đánh thuốc mê và đưa lên ô tô. A bị đưa đến một vùng heo hút, với một nhóm trẻ em tầm tuổi mình. Ngôi nhà các em ở có những gã thanh niên dữ tợn canh gác và sẵn sàng đánh đập không thương tiếc, bỏ đói đối với những em tìm cách bỏ trốn. A và một vài bé gái khác cỡ 13 - 15 tuổi bị nhốt riêng một phòng. Mẹ chủ nhà bắt từng cô bé cởi quần áo rồi nhìn ngắm, sờ nắn từng bộ phận trên cơ thể các em. Ngày hai lượt mẹ và bọn đàn em dọa dẫm: “Nếu không ăn, tìm cách bỏ trốn sẽ giết không tha!” Mấy chị em chỉ biết ôm nhau khóc. Đêm khuya, A nghe lỏm được bọn gác nói với nhau là các em gái sẽ được giữ tạm đây vài ngày đến vài tuần, đợi chủ nhà liên hệ với

“khách”, nếu được giá sẽ “giao hàng” đến các “động”. Đoán được mình sẽ là “hàng” và dù không hiểu “động” là gì, tất cả các cô bé đều biết mình sẽ bị bán đi. A và các cô gái chụm đầu bàn nhau kế hoạch: Đêm khuya khi bọn gác say rượu nằm ngủ, sẽ cạy cửa chạy trốn. Đêm đó, lửa lúc bọn gác chủ quan, A và các cô gái cạy cửa, mỗi cô nhằm một hướng chạy thực mạng. Em A bị tật ở chân, không thể chạy nhanh được, lúc mệt quá em phải bò và cố gắng lết thật nhanh, được một đoạn lại không quên lấy đá vạch lên thân cây đánh dấu. Đến tờ mờ sáng, A lết được đến một nhà dân, em chỉ nói được hai tiếng “Cứu cháu” rồi ngất đi. Gia đình tốt bụng đó đã lập tức điện báo Công an xã, và sau đó em được đưa xe thẳng về đồn công an huyện.

Sau khi được các chú công an giải cứu, A được cung cấp nơi ở, thực phẩm và các đồ dùng cá nhân thiết yếu để. Em cũng được hỏi về tên tuổi, nơi ở để các chú liên lạc cho gia đình. Sau đó, A và các bạn được đưa về địa phương.

Vài ngày sau khi trở về nhà, A được đưa đến bệnh viện để kiểm tra tình hình sức khỏe, đồng thời em cũng được tư vấn các vấn đề về tâm sinh lý. Trải qua 4 tháng ác mộng, A dần làm quen lại với cuộc sống thường nhật.

3.2. Quy định của pháp luật về nghĩa vụ cụ thể của phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật trong phòng, chống bạo lực tình dục

Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật khi trở thành nạn nhân của bạo lực tình dục có nghĩa vụ cung cấp thông tin liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật cho cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi được yêu cầu (Điều 5 Luật phòng chống bạo lực gia đình 2007, Điều 6 Luật phòng chống mua bán người 2011,...). Nếu là người bị hại trong vụ án hình sự phải có mặt theo giấy triệu tập; chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015).

Phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật khi nhận thấy có hành vi bạo lực tình dục (xảy ra với bất cứ đối tượng nào) có nghĩa vụ tố cáo hành vi tới cơ quan có thẩm quyền, tố giác tội phạm (Điều 19 Bộ luật hình sự 2015; Điều 19 Luật phòng, chống mua bán người năm 2011;...). Đây cũng là nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức nói chung nhằm góp phần vào công cuộc phòng, chống bạo lực tình dục, đặc biệt là phòng và chống bạo lực tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật.

IV. CHẾ TÀI DÀNH CHO NGƯỜI CÓ HÀNH VI BẠO LỰC TÌNH DỤC

Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi mà người có hành vi bạo lực tình dục bị xử lý bằng các biện pháp chế tài khác nhau theo quy định pháp luật.

4.1. Các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính

Áp dụng với các chủ thể thực hiện hành vi bạo lực tình dục nhưng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự (theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền). hình thức xử phạt hành chính chủ yếu là phạt tiền. Cụ thể :

Một số Nghị định về xử phạt hành chính của Chính phủ đã quy định chế tài xử phạt đối với những chủ thể có hành vi bạo lực tình dục nhưng chưa đến mức tội phạm hình sự, như: Phạt tiền từ 500.000 đồng

đến 1.000.000 đồng đối với người có hành vi cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện hành vi khiêu dâm trái ý muốn của họ; kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng (*Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*). Pháp luật cũng quy định mức phạt từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với những người có hành vi xâm phạm thân thể người khuyết tật, người học, người bệnh (tại Nghị định số 144/2013/NĐ-CP; Nghị định số 138/2013/NĐ-CP;...). Những hành vi “xâm phạm thân thể” nêu trên được hiểu là bao gồm các hành vi xâm hại, quấy rối tình dục các đối tượng, trong đó có nạn nhân là phụ nữ, trẻ em gái khuyết tật.

Nội dung chi tiết xem bảng dưới đây:

CÁC BIỆN PHÁP XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỚI CHỦ THỂ CÓ HÀNH VI BLTD

Vi phạm hành chính	Cơ sở pháp lý	Chế tài
Cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục	Điểm a Khoản 3 Điều 52 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.	Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng

Hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng	Điểm b Khoản 3 Điều 52 Nghị định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.	Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng
Xâm phạm thân thể người khuyết tật	Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định 144/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng
Xâm phạm thân thể người học	Khoản 2 điều 21 nghị định 138/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục.	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

Xâm phạm thân thể nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục	Khoản 2 Điều 19 nghị định 138/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng
Lợi dụng nghề nghiệp để quấy rối tình dục người bệnh	Điểm c Khoản 3 Điều 28 nghị định 176/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.	Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng

4.2. Các chế tài hình sự

Các chế tài hình sự được áp dụng đối với những người bị tòa án kết luận là tội phạm theo quy định của Bộ Luật Hình sự. Bộ Luật Hình sự hiện hành của Việt Nam (có hiệu lực từ 2017) quy định trên 10 điều về các tội phạm về bạo lực tình dục và có liên quan gồm tội hiếp dâm; tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi; tội cưỡng dâm; tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; tội dâm ô với người dưới 16 tuổi; tội mua bán người; tội chứa mại dâm;...

Các chế tài hình sự đối với các tội phạm về bạo lực tình dục đều khá nghiêm khắc. Ví dụ: Tội hiếp dâm (Điều 141) chế tài ở khung hình phạt đầu tiên (khung định tội) đối với tội này là từ 02 đến 07 năm và đối với hình phạt ở khung II của tội này là từ 07 - 15 năm, với các tình tiết

định khung tăng nặng của khung này như: nhiều người hiếp một người, có tính chất loạn luân, làm nạn nhân có thai,...; hoặc đối với tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), khung hình phạt đầu tiên đối với tội này đã là từ 07 - 15 năm, khung hình phạt cao nhất (khung thứ III) là tù 20 năm, chung thân hoặc tử hình (với các tình tiết định khung tăng nặng như nạn nhân là người dưới 10 tuổi, làm nạn nhân chết hoặc tự sát;...).

Nội dung chi tiết xem tại bảng dưới đây

CÁC CHẾ TÀI HÌNH SỰ ĐỐI VỚI CHỦ THỂ THỰC HIỆN HÀNH VI BẠO LỰC TÌNH DỤC

Các tội phạm về bạo lực tình dục	Cơ sở pháp lý	Nội dung quy định
Tội hiếp dâm	Điều 141 BLHS 2015	1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái với ý muốn của nạn nhân, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Tội hiếp dâm	Điều 141 BLHS 2015	<p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có tổ chức; b) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh; c) Nhiều người hiếp một người; d) Phạm tội 02 lần trở lên; đ) Đối với 02 người trở lên; e) Có tính chất loạn luân; g) Làm nạn nhân có thai; h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%; i) Tái phạm nguy hiểm. <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân
--------------	--------------------	--

Tội hiếp dâm	Điều 141 BLHS 2015	<p>mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61 % trở lên;</p> <ul style="list-style-type: none"> b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội; c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát. <p>4. Phạm tội đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Điều 142 BLHS 2015	<p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực

<p>Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 142 BLHS 2015</p>	<p>hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi trái với ý muốn của họ;</p> <p>b) Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất loạn luân;</p> <p>b) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p> <p>đ) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>e) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:</p>
--	---------------------------	---

<p>Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 142 BLHS 2015</p>	<p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Nhiều người hiếp một người;</p> <p>c) Đối với người dưới 10 tuổi;</p> <p>d) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>đ) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>e) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Tội cưỡng dâm</p>	<p>Điều 143 BLHS 2015</p>	<p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p>

<p>Tội cưỡng dâm</p>	<p>Điều 143 BLHS 2015</p>	<p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Có tính chất loạn luân;</p> <p>đ) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>e) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60%;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 18 năm:</p> <p>a) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>c) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Cưỡng dâm người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.</p>
----------------------	---------------------------	---

<p>Tội cưỡng dâm</p>	<p>Điều 143 BLHS 2015</p>	<p>Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này, thì bị xử phạt theo mức hình phạt quy định tại các khoản đó.</p> <p>5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
<p>Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 144 BLHS 2015</p>	<p>1. Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đang ở trong tình trạng lệ thuộc mình hoặc trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Có tính chất loạn luân;</p> <p>b) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm</p>

<p>Tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 144 BLHS 2015</p>	<p>thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 3 1% đến 60%;</p> <p>d) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>đ) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Nhiều người cưỡng dâm một người;</p> <p>b) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>c) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
---	-------------------------------	---

<p>Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 145 BLHS 2015</p>	<p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 (Hiếp dâm người dưới 16 tuổi) và Điều 144 (Cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến 16 tuổi) của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>b) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>c) Có tính chất loạn luân;</p> <p>d) Làm nạn nhân có thai;</p> <p>đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p>
---	-------------------------------	---

		<p>a) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Biết mình bị nhiễm HIV mà vẫn phạm tội.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi	Điều 146 BLHS 2015	<p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Phạm tội có tổ chức;</p> <p>b) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>c) Đối với 02 người trở lên;</p> <p>d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;</p>

Tội dâm ô với người dưới 16 tuổi	Điều 146 BLHS 2015	<p>đ) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm nạn nhân tự sát.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.</p>
Tội sử dụng người dưới 16 tuổi với mục đích khiêu dâm	Điều 147 BLHS 2015	<p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p>

Tội sử dụng người dưới 16 tuổi với mục đích khiêu dâm

Điều 147
BLHS 2015

- a) Phạm tội có tổ chức;
 - b) Phạm tội 02 lần trở lên;
 - c) Đối với 02 người trở lên;
 - d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục, chữa bệnh;
 - đ) Có mục đích thương mại;
 - e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;
 - g) Tái phạm nguy hiểm.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:
- a) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;
 - b) Làm nạn nhân tự sát.
4. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Mua bán người

Điều 150
BLHS 2015

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:
- a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác;
 - b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;
 - c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 08 năm đến 15 năm:
- a) Có tổ chức;
 - b) Vì động cơ đê hèn;
 - c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu

<p>Mua bán người</p>	<p>Điều 150 BLHS 2015</p>	<p>không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>đ) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>đ) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>e) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.</p>
----------------------	---------------------------	--

<p>Mua bán người dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 151 BLHS 2015</p>	<p>1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;</p> <p>b) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác;</p> <p>c) Tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người dưới 16 tuổi để thực hiện hành vi quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:</p> <p>a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;</p> <p>b) Lợi dụng hoạt động cho, nhận con nuôi để phạm tội;</p> <p>c) Đối với từ 02 người đến 05 người;</p> <p>d) Đối với người mà mình có trách</p>
-----------------------------------	---------------------------	---

<p>Mua bán người dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 151 BLHS 2015</p>	<p>nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng;</p> <p>đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>g) Vì động cơ đê hèn;</p> <p>h) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%, nếu không thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 18 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Có tính chất chuyên nghiệp;</p> <p>c) Gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe hoặc gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>d) Đã lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;</p>
-----------------------------------	---------------------------	---

<p>Mua bán người dưới 16 tuổi</p>	<p>Điều 151 BLHS 2015</p>	<p>đ) Làm nạn nhân chết hoặc tự sát;</p> <p>e) Đối với 06 người trở lên;</p> <p>g) Tái phạm nguy hiểm.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công.</p>
<p>Tội chứa mại dâm</p>	<p>Điều 327 BLHS 2015</p>	<p>1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:</p> <p>a) Có tổ chức;</p> <p>b) Cưỡng bức mại dâm;</p> <p>c) Phạm tội 02 lần trở lên;</p> <p>d) Chứa mại dâm 04 người trở lên;</p> <p>đ) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;</p> <p>e) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%;</p>

Tội chứa mại dâm	Điều 327 BLHS 2015	g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;
		h) Tái phạm nguy hiểm.
		3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm:
		a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
		b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
		c) Gây rối loạn tâm thần và hành vi của người bán dâm mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.
		4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:
		a) Đối với 02 người trở lên từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;
		b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên;
		c) Cường bức mại dâm dẫn đến người đó chết hoặc tự sát.
		5. Người phạm tội còn có thể bị

		phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.
Tội môi giới mại dâm	Điều 328 BLHS 2015	1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.
		2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:
		a) Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi;
		b) Có tổ chức;
		c) Có tính chất chuyên nghiệp;
		d) Phạm tội 02 lần trở lên;
		đ) Đối với 02 người trở lên;
		e) Thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;
		g) Tái phạm nguy hiểm.
		3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

Tội môi giới mại dâm	Điều 328 BLHS 2015	<p>a) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>
Tội mua dâm người dưới 18 tuổi	Điều 329 BLHS 2015	<p>1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mua dâm người dưới 18 tuổi trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 142 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.</p> <p>2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:</p> <p>a) Mua dâm 02 lần trở lên;</p> <p>b) Mua dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>c) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60%.</p> <p>3. Phạm tội thuộc một trong các</p>

Tội môi giới mại dâm	Điều 328 BLHS 2015	<p>trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:</p> <p>a) Phạm tội 02 lần trở lên đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi;</p> <p>b) Gây tổn hại cho sức khỏe của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên.</p> <p>4. Người phạm tội còn bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.</p>
----------------------	--------------------	---

V. MỘT SỐ MÔ HÌNH HỖ TRỢ PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI KHUYẾT TẬT LÀ NẠN NHÂN CỦA BẠO LỰC TÌNH DỤC

Pháp luật hiện hành quy định một số mô hình tổ chức và biện pháp đặc biệt nhằm mục tiêu hỗ trợ kịp thời và hiệu quả đối với phụ nữ, trẻ em là nạn nhân của hành vi bạo lực nói chung và hành vi bạo lực tình dục nói riêng (trong đó có đối tượng PNTEGKT). Mô hình nổi bật nhất là cơ sở trợ giúp xã hội với các hình thức tổ chức khác nhau và tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em. Đối với các biện pháp, một trong những biện pháp đặc thù liên quan tới trẻ em là biện pháp chăm sóc thay thế. Đây được xem vừa là biện pháp bảo vệ, vừa là biện pháp hỗ trợ đặc biệt đối với trẻ em là nạn nhân của bạo lực tình dục. Cụ thể như sau:

5.1. Cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập

(Nghị định 103/2017/NĐ-CP quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội)

	Nội dung
Các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội (Điều 5)	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. - Cơ sở bảo trợ xã hội chăm sóc người khuyết tật. - Cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp thực hiện việc chăm sóc nhiều đối tượng bảo trợ xã hội hoặc đối tượng cần trợ giúp xã hội. - Trung tâm công tác xã hội thực hiện việc tư vấn, chăm sóc khẩn cấp hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho đối tượng cần trợ giúp xã hội. - Các cơ sở trợ giúp xã hội khác (Cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; nạn nhân của hành vi mua, bán người; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng...).
Những nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống bạo lực tình dục của Cơ sở TGXH (Điều 7)	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp các dịch vụ khẩn cấp, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp; + Đánh giá các nhu cầu của đối tượng; sàng lọc và phân loại đối tượng. Trường hợp cần thiết thì chuyển gửi đối tượng tới

Những nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống bạo lực tình dục của Cơ sở TGXH (Điều 7)	<p>các cơ sở y tế, giáo dục, cơ quan công an, tư pháp hoặc các cơ quan, tổ chức phù hợp khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo đảm sự an toàn và đáp ứng các nhu cầu khẩn cấp của đối tượng như: nơi cư trú tạm thời, thức ăn, quần áo và đi lại. - Tham vấn, trị liệu rối nhiễu tâm trí, khủng hoảng tâm lý và phục hồi thể chất cho đối tượng. - Cung cấp dịch vụ điều trị y tế ban đầu. - Thực hiện các biện pháp phòng ngừa đối tượng rơi vào hoàn cảnh khó khăn và bị xâm hại, bạo lực, ngược đãi. <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển cộng đồng, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Liên hệ với người dân, chính quyền các cấp trong việc xác định các vấn đề của cộng đồng để xây dựng chương trình, kế hoạch trợ giúp cộng đồng; + Đề xuất chính sách với các cơ quan có thẩm quyền;... - Tổ chức các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức;...
---	---

5.2. Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em

(Nghị định 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của luật trẻ em - Điều 22)

Nội dung	
Số của tổng đài điện thoại quốc gia BVTE	111
Nhiệm vụ của tổng đài	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận thông báo, tố giác từ cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân qua điện thoại. - Liên hệ với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc có thẩm quyền về nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em. - Chuyển, cung cấp thông tin, thông báo, tố giác hoặc giới thiệu trẻ em có nguy cơ hoặc bị xâm hại, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, chức năng bảo vệ trẻ em. - Hỗ trợ người làm công tác bảo vệ trẻ em xây dựng, thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với từng trường hợp trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực. - Tư vấn tâm lý, pháp luật, chính sách cho trẻ em, cha, mẹ, thành viên gia đình, người chăm sóc trẻ em.

5.3. Chăm sóc thay thế

Đây là một trong những biện pháp can thiệp điển hình nhằm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em là nạn nhân của bạo lực nói chung và nạn nhân của bạo lực tình dục nói riêng, trong đó có trẻ em gái khuyết tật.

	Cơ sở pháp lý	Nội dung
Các đối tượng cần được áp dụng chăm sóc thay thế	Điểm b Khoản 2 Điều 50; Khoản 2 Điều 62 Luật Trẻ em 2016 và Điều 32 Nghị định 56/2017/NĐ-CP	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em. - Trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp hoặc trẻ em bị xâm hại có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em.
Các hình thức của chăm sóc thay thế	Điều 61 Luật Trẻ em 2016	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm sóc thay thế bởi người thân thích. - Chăm sóc thay thế bởi cá nhân, gia đình không phải là người thân thích. - Chăm sóc thay thế bằng hình thức nhận con nuôi. - Chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội.

<p>Thủ tục</p>	<p>Hồ sơ</p>	<p>Điều 41 Nghị định 56/2017/ NĐ-CP</p>	<p><i>*Hồ sơ cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích bao gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đăng ký nhận chăm sóc thay thế; - Giấy khám sức khỏe trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ do cơ quan y tế cấp theo quy định của pháp luật; - Lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với cá nhân, người đại diện gia đình chăm sóc, thay thế là người nước ngoài. <p><i>*Cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em: Người thân thích của trẻ em khi nhận chăm sóc thay thế không phải đăng ký nhưng phải thông báo với UBND cấp xã nơi cư trú để ra quyết định giao chăm sóc thay thế.</i></p>
	<p>Trình tự</p>	<p>Điều 44, 45 Nghị định 56/2017/ NĐ-CP</p>	<p><i>*Trường hợp trẻ em được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội (Điều 44):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch UBND cấp xã nơi trẻ em

	<p>Trình tự</p>	<p>Điều 44, 45 Nghị định 56/2017/ NĐ-CP</p>	<p>cư trú hoặc nơi xảy ra hành vi xâm hại trẻ em lập hồ sơ đề nghị đưa trẻ em vào cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em được nhận chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội được hưởng chính sách áp dụng đối với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. <p><i>*Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế, gia đình nhận trẻ em làm con nuôi (Điều 45):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đứng đầu cơ sở trợ giúp xã hội có trách nhiệm lập danh sách theo mẫu và hồ sơ trẻ em có nhu cầu tìm cá nhân, gia đình chăm sóc thay thế gửi Sở LĐTBXH. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu thấy phù hợp thì chuyển danh sách và hồ sơ đến UBND cấp xã nơi cá nhân, gia đình đăng ký nhận chăm sóc thay thế cư trú. - Tổ chức cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế tiếp xúc với trẻ em và đưa trẻ em đến nhà
--	------------------------	---	---

	<p>Trình tự</p>	<p>Điều 44, 45 Nghị định 56/2017/NĐ-CP</p>	<p>của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế để trẻ em làm quen với môi trường mới; lấy ý kiến, nguyện vọng của trẻ em về cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế trong trường hợp trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, UBND cấp xã xem xét các điều kiện của cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế, nếu đủ điều kiện thì quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế, chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội.</p>
--	------------------------	--	---

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thoraya A.Obaid, *Sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục của người khuyết tật*, Bài đăng trên website của Tổng cục dân số - kế hoạch hóa gia đình, <https://bit.ly/2N3TDbS>.
2. World Health Organization, World report on violence and health, 2002, p.5
3. UNHCR, Sexual and Gender-Based Violence against Refugees, Returnees and Internally Displaced Persons, May 2003, p.11.
4. UNHCR, Sexual and Gender-Based Violence against Refugees, Returnees and Internally Displaced Persons, May 2003, p.11.

5. Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Hồng, Trần Thị Cẩm Nhung, *Bạo lực trên cơ sở giới: Một số khía cạnh về luật pháp và chính sách ở Việt Nam*, Bài đăng trên website của Trung tâm thông tin nguồn về giới, <https://bit.ly/2LieRqf>
6. World Health Organization, World report on violence and health, 2002, p.149

DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN

I - Điều ước quốc tế

1. Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948
2. Công ước quốc tế về các quyền dân sự chính trị ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982)
3. Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (Việt Nam gia nhập ngày 24/9/1982)
4. Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ ngày 18/12/1979 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (Việt Nam phê chuẩn ngày 18/12/1982)
5. Tuyên bố về xóa bỏ bạo lực với phụ nữ ngày 20/12/1993 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc
6. Công ước về quyền của người khuyết tật ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc (Việt Nam phê chuẩn ngày 28 tháng 11 năm 2014)
7. Công ước về quyền của trẻ em ngày 20/11/1989 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc (Việt Nam phê chuẩn ngày 20 tháng 2 năm 1990)

II - Văn bản pháp luật Việt Nam

8. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2013
9. Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH ngày 17 tháng năm 2010
10. Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016
11. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006

12. Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012
13. Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015
14. Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012
15. Luật Phòng chống mua bán người số 66/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011
16. Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2014
17. Luật Phòng chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007
18. Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009
19. Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017
20. Nghị định số 144/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và bảo vệ, chăm sóc trẻ em
21. Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Phòng, chống tệ nạn xã hội; Phòng cháy và chữa cháy; Phòng, chống bạo lực gia đình
22. Nghị định số 138/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục
23. Nghị định số 176/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
24. Nghị định số 62/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 08 năm 2012 quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ
25. Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý cơ sở trợ giúp xã hội
26. Nghị định 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết một số điều của luật trẻ em



QUYỀN
CỦA PHỤ NỮ
VÀ TRẺ EM GÁI
KHUYẾT TẬT
TRONG PHÒNG VÀ CHỐNG
BAO LỰC TÌNH DỤC

TRUNG TÂM
HÀNH ĐỘNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Phòng 905 chung cư Dream Center Home,
ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 02466753946

Email: admin@acdc.org.vn

Website: www.acdc.org.vn

*Hỗ trợ kinh phí in ấn thông qua dự án "Tăng cường năng lực cho phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật"
do Quỹ dân chủ Liên hợp quốc (UNDEF) tài trợ.*